

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CP MSA

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẦU ĐUÔNG
TRÁCH MI
KIỂM TOÁN
VIỆ
TỰ GI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cầu Đuông (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Ngô Đức Dũng	Ủy viên
Ông Vũ Đình Trường	Ủy viên
Ông Ngô Văn Chăm	Ủy viên
Ông Ngô Thành An	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Ngô Đức Dũng	Tổng giám đốc
Ông Ngô Thành An	Phó Tổng giám đốc
Bà Tạ Thị Thủy	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

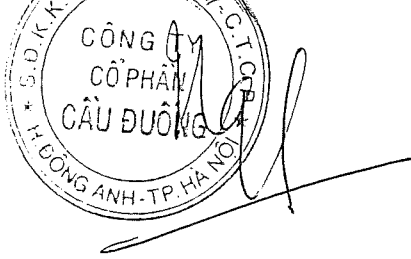
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

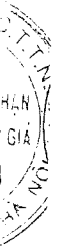
CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG



Ngô Đức Dũng

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016



Số : 259 -16/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Cầu Đuống

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 03 năm 2016 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009. Số dự phòng ước tính cần trích lập bổ sung là 897.678.909 đồng. Nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho nêu trên được trích lập thì khoản mục hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi 897.678.909 đồng và trên Báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu giá vốn hàng bán sẽ tăng lên và lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty CP Cầu Đuống Hải Phòng và Công ty CP Cầu Đuống Sông Hóa là Công ty con của Công ty CP Cầu Đuống chưa được kiểm toán và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính kèm theo. Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2015 của các công ty con nêu trên lần lượt là 18.597.841.956 đồng và 9.902.879.019 đồng. Chúng tôi không được tiếp cận đầy đủ các thông tin tài chính và Ban lãnh đạo của các đơn vị nêu trên, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến số liệu tài chính của các công ty trên tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Gốm Xây dựng Bắc Kạn đang được Công ty trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết và được hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Chúng tôi chưa được cung cấp hồ sơ tài liệu để xác định tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Gốm Xây dựng Bắc Kạn cũng như không có cơ sở để thực hiện việc hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, theo đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 - hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 - hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của kỳ này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.873.088.139	38.272.825.334
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.462.042.916	1.908.211.918
1 Tiền	111	V.1.	1.462.042.916	1.908.211.918
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.000.000.000	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.554.363.578	7.046.561.198
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	4.118.492.348	4.144.778.925
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	299.848.904	242.369.135
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	44.156.700	62.500.000
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	8.194.419.957	2.625.957.609
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(102.554.331)	(29.044.471)
IV Hàng tồn kho	140		25.289.722.613	28.807.431.456
1 Hàng tồn kho	141	V.8.	25.704.773.936	29.303.864.330
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(415.051.323)	(496.432.874)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		566.959.032	510.620.762
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13.	13.190.001	13.190.001
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	553.769.031	497.430.761
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.375.740.481	50.693.209.723
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		41.950.856.448	45.999.085.944
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	34.157.418.175	38.182.312.037
- Nguyên giá	222		89.950.492.527	89.950.492.527
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.793.074.352)	(51.768.180.490)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.11.	7.793.438.273	7.816.773.907
- Nguyên giá	228		9.160.428.652	9.160.428.652
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.366.990.379)	(1.343.654.745)
III Bất động sản đầu tư	230	V.12.	2.656.363.636	2.656.363.636
- Nguyên giá	231		2.656.363.636	2.656.363.636
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9.	-	12.580.223
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	12.580.223
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		260.000.000	275.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2	260.000.000	275.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		1.508.520.397	1.750.179.920
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13.	1.508.520.397	1.750.179.920
5 Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		87.248.828.620	88.966.035.057

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

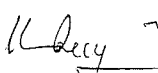
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C NỢ PHẢI TRẢ	300		52.650.511.000	54.417.644.918
I Nợ ngắn hạn	310		51.097.683.547	51.690.375.341
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14.	13.279.903.219	17.415.032.978
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		82.955.135	648.708.751
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	7.775.484.764	7.563.849.926
4 Phải trả người lao động	314		1.911.619.096	2.121.962.453
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	162.610.406	201.609.226
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	16.429.080.287	6.720.861.897
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19.	11.516.659.080	17.078.978.550
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(60.628.440)	(60.628.440)
II Nợ dài hạn	330		1.552.827.453	2.727.269.577
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18.	31.298.387	57.451.141
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19.	585.000.000	2.090.185.916
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		936.529.066	579.632.520
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.598.317.620	34.548.390.139
I Vốn chủ sở hữu	410	V.21.	34.398.317.620	34.348.390.139
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		34.649.950.000	34.649.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.649.950.000	34.649.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		769.975.000	769.975.000
5 Cổ phiếu quỹ	415		(840.000)	(840.000)
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		10.353.131.528	10.405.275.197
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.452.502.716)	(13.749.378.849)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		(13.749.378.849)	(8.220.898.580)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		296.876.133	(5.528.480.269)
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.078.603.808	2.273.408.791
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		200.000.000	200.000.000
1 Nguồn kinh phí	431		200.000.000	200.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		87.248.828.620	88.966.035.057

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Người lập

Kế toán trưởng

Ngô Thị Tuyền

Chử Đình Dũng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	52.512.425.392	53.789.158.326
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		52.512.425.392	53.789.158.326
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	42.068.729.911	45.764.060.363
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.443.695.481	8.025.097.963
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	15.297.371	175.917.306
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	739.936.574	5.581.734.532
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		724.936.574	2.252.123.956
8 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9 Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.954.887.705	2.006.372.712
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8.180.729.290	7.270.834.248
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(416.560.717)	(6.657.926.223)
12 Thu nhập khác	31	VI.5	1.028.483.396	2.032.344.647
13 Chi phí khác	32	VI.6	152.954.983	1.228.382.164
14 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		875.528.413	803.962.483
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		458.967.696	(5.853.963.740)
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		356.896.546	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		102.071.150	(5.853.963.740)
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		296.876.133	(5.528.480.269)
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(194.804.983)	(325.483.471)
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	86	(1.596)

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

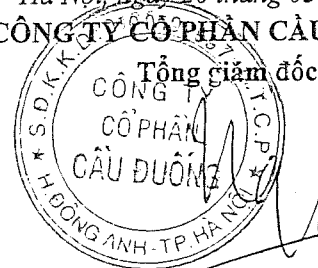
Người lập

Kế toán trưởng




Ngô Thị Tuyền

Chữ Đình Dũng



Ngô Đức Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		102.071.150	(5.853.963.740)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ	02		4.048.229.496	4.918.756.806
-	Các khoản dự phòng	03		(7.871.691)	(2.150.561.401)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(1.383.502)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.297.371)	(491.258.987)
-	Chi phí lãi vay	06		724.936.574	2.252.123.956
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.852.068.158	(1.326.286.868)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.703.993.810)	3.883.425.842
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.599.090.394	10.528.495.214
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.338.711.591	(736.927.811)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		241.659.523	1.296.322.959
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(749.196.474)	(2.151.169.270)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.500.000)	(66.802.292)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(52.143.669)	(189.906.702)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.524.695.713	11.237.151.072
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	341.998.138
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	(827.732.664)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		18.343.300	10.957.640.338
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		15.000.000	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.297.371	174.532.664
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(951.359.329)	10.646.438.476
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3.	Tiền thu từ đi vay	33		25.146.640.451	42.076.413.942
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(32.166.145.837)	(63.954.839.311)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.019.505.386)	(21.878.425.369)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(446.169.002)	5.164.179
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.908.211.918	1.901.664.237
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	1.383.502
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	1.462.042.916	1.908.211.918

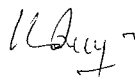
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Tổng giám đốc

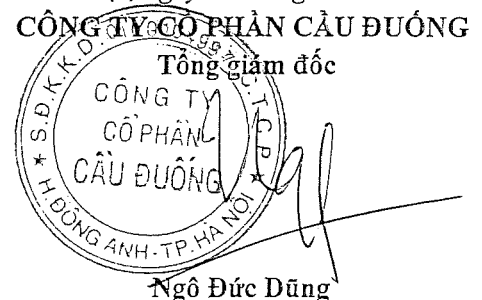
Người lập

Kế toán trưởng

Ngô Thị Tuyền

Chử Đình Dũng



Ngô Đức Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cầu Đuông (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty Đầu tư xây dựng và Sản xuất vật liệu Cầu Đuông. Từ ngày 15/06/2006, Công ty Đầu tư xây dựng và Sản xuất vật liệu Cầu Đuông được đổi tên thành Công ty Cổ phần Cầu Đuông theo Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 16/05/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Cầu Đuông hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26/06/2006. Công ty có 08 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104997 thay đổi lần thứ tám ngày 24/11/2014 thì Vốn điều lệ của Công ty là: **34.649.110.000 đồng** (Ba mươi tư tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Tổng số cổ phần là 3.464.911.000 cổ phần;
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản:

- + Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
- + Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
- + Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;
- + Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng;
- + Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng cho thuê lại;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chi tiết:

- + Giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- + Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh và làm đại lý vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất phục vụ chuyên ngành xây dựng;
- Kinh doanh vận chuyển đường bộ; Kinh doanh bốc xếp, bến thủy nội địa;
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, kho bãi;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Mở trường, trung tâm đào tạo nghề (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).
- Chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm);
- Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất và loại vật liệu khác;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Lập, quản lý, thực hiện các dự án phát triển nhà, hạ tầng đô thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ; (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật)

Trụ sở Công ty: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

Tel: 04 3961 1346 Fax: 04 3880 0258

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2015, những biến động về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường không có tác động thay đổi quá lớn đến hoạt động của Công ty. Thị trường vật liệu xây dựng mặc dù đã khởi sắc hơn nhưng không có biến động đột phá. Nhìn chung, các yếu tố khách quan không tạo tác động có tính bước ngoặt cho hoạt động của doanh nghiệp.

Đối với chiến lược sản xuất kinh doanh trong công ty, sau khi thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Cầu Đuống Hưng Yên trong năm 2014, Công ty tiếp tục dự kiến thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng và Công ty cổ phần Cầu Đuống Sông Hoá. Tuy nhiên kế hoạch đặt ra là thoái vốn trong năm 2015 đã không thực hiện được do không có đối tác trả mua.

Đối với hoạt động sản xuất vật liệu hiện nay, sau khi cho thuê khoán toàn bộ Nhà máy tại Xí nghiệp Cầu Đuống trong năm 2014, Năm 2015 công ty dự kiến cho thuê khoán toàn bộ Nhà máy tại Xí nghiệp Sóc Sơn. Tuy nhiên, sau khi mở thầu đã không có đối tác nào đáp ứng đủ điều kiện thầu nên Công ty tiếp tục sản xuất. Hoạt động sản xuất vật liệu không nung đang được tích cực tìm hướng khắc phục trong sản xuất nhằm giảm lỗ cho khối vật liệu không nung.

6. Cấu trúc Công ty

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 như sau:

- | | | |
|----|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1) | Công ty Cổ phần Cầu Đuống Sông Hóa | Địa chỉ: Thụy Việt - Thái Thụy - Thái Bình
Hoạt động chính: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ thương mại.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 88,98%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88,98% |
| 2) | Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng | Địa chỉ: Cụm 6 - phường Quán Trữ - Kiến An - Hải Phòng
Hoạt động chính: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51% |

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng được phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 như sau:

- | | | |
|----|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn | Địa chỉ: Tổ 5, Phường Chí Kiên, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
Hoạt động chính: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.
Lý do không hợp nhất: không được cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan tới Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn
Tỷ lệ phần sở hữu: 14,44%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 14,44% |
|----|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Khoản góp đầu tư vào công ty liên kết của Công ty là khoản góp vốn vào Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn có thời hạn thu hồi trên một năm được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Trong đó:

- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua –

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

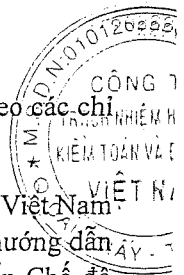
Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản khác	03



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán và giá trị chuyên giao công nghệ.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (Năm)</i>
Quyền sử dụng đất	33
Phần mềm kế toán	03
Giá trị chuyên giao công nghệ	05

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản công cụ dụng cụ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng đơn vị giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay được xác định vào hợp đồng, kế ước vay, thời gian vay thực tế; khoản trích trước tiền ăn ca tháng 12 của cán bộ công nhân viên được xác định dựa vào bảng chấm công, các loại chi phí trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước về bán hàng; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều cho thời gian trả trước.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ, vận chuyển, tư vấn, thiết kế, cho thuê nhà xưởng – kho bãi, doanh thu hoạt động xây lắp và doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Đối với doanh thu sản xuất và thương mại:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Đối với doanh thu Hợp đồng xây dựng:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ bán phế liệu, được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng, hóa đơn, phiếu thu.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Riêng giá vốn hoạt động xây lắp (lò gạch) để đảm bảo kinh doanh có lãi, Công ty thực hiện giao khoán cho các xí nghiệp với tỷ lệ 95%-97% giá trị công trình (tùy thuộc vào điều kiện thực tế mà tỷ lệ giao khoán của từng công trình có thể thay đổi). Do vậy chi phí giá vốn hoạt động xây lắp lò gạch được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh và không vượt quá tỷ lệ giao khoán trong từng hợp đồng.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. Nguyên tắc chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chi phí dự phòng,...

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

20.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 5% đối với doanh thu từ chuyển giao công nghệ, 10% đối với doanh thu bán vật liệu xây dựng, hoạt động xây lắp, tư vấn thiết kế và doanh thu khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	544.766.890	180.475.235
Tiền gửi ngân hàng	917.276.026	1.727.736.683
Tiền gửi VND	910.831.529	1.637.163.781
Tiền gửi USD	6.444.497	90.572.902
Cộng	1.462.042.916	1.908.211.918

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

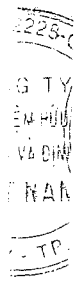
a, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-

b, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn (*)	260.000.000	-	275.000.000	-
Cộng	260.000.000	-	275.000.000	-

(*) Do Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn, do đó giá trị hợp lý đang được Công ty ghi nhận bằng giá gốc.



Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Xây dựng Cầu Đuống	803.208.147	-	-	-
Xí nghiệp - UDCI	331.296.317	-	827.430.560	-
Công ty TNHH Nho Quý	440.000.000	-	490.000.000	-
Công ty TNHH Lâm Phương	331.775.829	-	250.325.722	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Hợp Tiến	119.200.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đô thị Hà Nội	115.256.600	-	145.256.600	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư thương mại Đức Nga	42.005.949	-	117.561.502	-
Các đối tượng khác	1.935.749.506	(102.554.331)	2.314.204.541	(29.044.471)
Cộng	4.118.492.348	(102.554.331)	4.144.778.925	(29.044.471)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển bền vững Kim Long	87.884.500	-
Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ Hải Đăng	-	30.000.000
Công ty thiết kế, khảo sát đo đạc	92.000.000	92.000.000
Đối tượng khác	119.964.404	120.369.135
Cộng	299.848.904	242.369.135

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Vũ Duy Thành	44.156.700	-	62.500.000	-
Cộng	44.156.700	-	62.500.000	-

6. Phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Phải thu khác	8.194.419.957	-	2.625.957.609	-
Công ty thiết kế, khảo sát đo đạc	1.019.560.077	-	919.484.202	-
Nguyễn Hữu Mạnh	100.000.000	-	100.000.000	-
	435.245.695	-	475.245.695	-

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tạm ứng	7.174.859.880	-	1.706.473.407	-
Nguyễn Xuân Tường (Xí nghiệp gốm Mai Lâm)	55.000.000	-	100.000.000	-
Bùi Văn Bá (Xí nghiệp gốm XD Sóc Sơn)	65.000.000	-	85.000.000	-
Nguyễn Hữu Minh (Xí nghiệp cơ khí)	6.532.705.979	-	1.284.100.400	-
Hoàng Tiến Đạt	3.571.700	-	88.248.400	-
Các đối tượng khác	518.582.201	-	149.124.607	-
Cộng	8.194.419.957	-	2.625.957.609	-

7. Nợ xấu	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các khoản phải thu quá hạn, khó đòi (*)</i>				
Công ty CP Xây dựng 556	49.334.844	24.667.422	49.334.844	49.334.844
Công ty TNHH Toto Việt Nam	34.742.594	17.371.297	34.742.594	34.742.594
Xí nghiệp 3 - UDIC	73.130.261	36.565.131	73.130.261	53.130.261
Công ty CP Xây dựng Đình Văn Nam Định	9.586.861	-	9.586.861	2.876.058
Công ty CP Thương mại Tài Nhân	7.636.364	3.818.182	7.636.364	7.636.364
Công ty CP Sản xuất Thương mại An Dương	6.000.000	-	6.000.000	3.666.332
Công ty TNHH Huy Hùng	9.090.877	4.545.439	9.090.877	9.090.877
Cộng	189.521.801	86.967.470	189.521.801	160.477.330

8. Hàng tồn kho	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.994.168.114	-	6.012.033.660	-
Công cụ, dụng cụ	61.538.413	-	72.719.984	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.037.343.565	-	4.394.377.637	-
Thành phẩm	11.611.723.844	(415.051.323)	18.824.733.049	(496.432.874)
Cộng	25.704.773.936	(415.051.323)	29.303.864.330	(496.432.874)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội
Tel: 04 3961 1346 Fax: 04 3880 0258

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2015	39.833.940.473	41.752.573.581	7.393.994.589	580.179.115	389.804.769		89.950.492.527
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-		-
Số dư ngày 31/12/2015	39.833.940.473	41.752.573.581	7.393.994.589	580.179.115	389.804.769		89.950.492.527
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2015	22.885.868.535	23.367.438.420	4.751.755.538	472.049.503	291.068.494		51.768.180.490
Khấu hao trong kỳ	1.574.979.062	1.911.769.404	499.542.580	29.029.429	9.573.387		4.024.893.862
Số dư ngày 31/12/2015	24.460.847.597	25.279.207.824	5.251.298.118	501.078.932	300.641.881		55.793.074.352
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2015	16.948.071.938	18.385.135.161	2.642.239.051	108.129.612	98.736.275		38.182.312.037
Tại ngày 31/12/2015	15.373.092.876	16.473.365.757	2.142.696.471	79.100.183	89.162.888		34.157.418.175

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.349.613.884 VND.

- Giá trị còn lại của TSCĐ cuối kỳ đã đem đi cầm cố, thế chấp: 7.312.035.484 VND.

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
	-	12.580.223
	-	12.580.223

Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Cộng

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Giá trị chuyển giao công nghệ	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2015	8.978.217.352	12.000.000	170.211.300	9.160.428.652
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2015	8.978.217.352	12.000.000	170.211.300	9.160.428.652
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2015	1.257.612.485	12.000.000	74.042.260	1.343.654.745
Khấu hao trong kỳ	23.335.634	-	-	23.335.634
Số dư ngày 31/12/2015	1.280.948.119	12.000.000	74.042.260	1.366.990.379
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	7.720.604.867	-	96.169.040	7.816.773.907
Tại ngày 31/12/2015	7.697.269.233	-	96.169.040	7.793.438.273

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2015
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	2.656.363.636	-	-	2.656.363.636
Giá trị Quyền sử dụng đất	2.656.363.636	-	-	2.656.363.636
Tồn thất do suy giảm giá trị (*)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	2.656.363.636	-	-	2.656.363.636
Giá trị Quyền sử dụng đất	2.656.363.636	-	-	2.656.363.636

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2015 cần được trình bày. Tuy nhiên Công ty hiện chưa xác định giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2015 chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập định giá giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư. Hiện tại Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.190.001	13.190.001
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.508.520.397	1.750.179.920
Chi phí thuê đất	797.535.054	1.700.640.410
Chi phí trả trước dài hạn khác	708.022.843	-
	2.962.500	49.539.510
Cộng	1.521.710.398	1.763.369.921

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Than và Vật liệu xây dựng Bắc Hà Nội	332.596.189	332.596.189	3.404.224.011	3.404.224.011
Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp	10.991.445.400	10.991.445.400	10.991.445.400	10.991.445.400
Đối tượng khác	1.955.861.630	1.955.861.630	3.019.363.567	3.019.363.567
Cộng	13.279.903.219	13.279.903.219	17.415.032.978	17.415.032.978

15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	a) Phải nộp			
Thuế GTGT	239.052.076	3.626.700.392	3.688.223.285	177.529.183
Thuế TNDN	405.393.007	-	-	405.393.007
Thuế thu nhập cá nhân	39.399.691	18.738.535	38.422.704	19.715.522
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.643.246.730	5.430.643.707	5.137.801.807	6.936.088.630
Các loại thuế khác	-	11.500.000	11.500.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	236.758.422	57.143.669,00	57.143.669	236.758.422
Cộng	7.563.849.926	9.133.226.303	8.921.591.465	7.775.484.764
b) Phải thu				
Thuế TNDN	497.430.761	-	1.500.000	498.930.761
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	53.338.270	53.338.270
Các loại thuế khác	-	-	1.500.000	1.500.000
Cộng	497.430.761	-	56.338.270	553.769.031

16. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	162.610.406	201.609.226
Lãi vay phải trả	66.091.725	94.596.559
Tiền ăn ca phải trả	96.518.681	107.012.667
Cộng	162.610.406	201.609.226

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn;	77.872.391	75.446.844
Bảo hiểm xã hội;	223.782.268	487.829.456
Bảo hiểm y tế;	-	5.476.275
Bảo hiểm thất nghiệp;	12.277.400	2.433.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	16.115.148.228	6.149.675.422
<i>Ngô Thành An</i>	3.455.003.764	15.152.061
<i>Nguyễn Hữu Minh</i>	9.897.458.483	4.650.202.378
<i>Cổ tức phải trả Tổng công ty ĐTPT hạ tầng đô thị</i>	301.243.400	301.243.400
<i>Tổng Duy Bạt</i>	-	48.000.000
<i>Tiền trợ cấp ốm đau, thai sản phải trả cho CBCNV</i>	-	69.617.265
<i>Các đối tượng khác</i>	2.461.442.581	1.065.460.318
Cộng	16.429.080.287	6.720.861.897

c) *Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.*

18. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>		
Khách lẻ mua gạch	31.298.387	57.451.141
Cộng	31.298.387	57.451.141

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (1)	11.516.659.080	11.516.659.080	25.146.640.451	30.708.959.921	17.078.978.550	17.078.978.550
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Diêm Điền	1.634.778.980	1.634.778.980	16.815.640.451	20.460.040.021	5.279.178.550	5.279.178.550
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Diêm Điền	750.000.000	750.000.000	-	-	750.000.000	750.000.000
Vay cá nhân (2)	9.131.880.100	9.131.880.100	8.331.000.000	10.248.919.900	11.049.800.000	11.049.800.000
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (3)	585.000.000	585.000.000	-	1.505.185.916	2.090.185.916	2.090.185.916
Vay cá nhân	582.200.000	582.200.000	-	1.505.185.916	2.087.385.916	2.087.385.916
	2.800.000	2.800.000	-	-	2.800.000	2.800.000
Cộng	12.101.659.080	12.101.659.080	25.146.640.451	32.214.145.837	19.169.164.466	19.169.164.466

(1): Hợp đồng tín dụng số 246-03/2015-HĐTDHM/NHVT131-CD ngày 3/12/2015 với hạn mức 8.000.000.000 VND; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/10/2016; lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, lãi suất được điều chỉnh 1 tháng/lần; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; tài sản đảm bảo theo hợp đồng đảm bảo số 335-3/2010 ngày 1/11/2010 là toàn bộ máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất gạch không nung; hợp đồng đảm bảo số 2533/HĐTC ngày 1/12/2009 TS thế chấp là trụ sở văn phòng làm việc; hợp đồng đảm bảo số 615-3/2015/HĐTC ngày 29/12/2011 hạng mục nhà đường hộ thuộc nhà máy gạch không nung.

(2): Vay ngắn hạn cá nhân theo các phiếu huy động vốn, thời hạn vay từ 01-06 tháng, lãi suất theo từng kỳ huy động vốn.

(3): Hợp đồng tín dụng số 336-03/2010/HĐTD ngày 01/10/2010; gốc vay 10.890.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng; lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND trả sau kỳ hạn 12 tháng + biên độ tối thiểu 3,8%/năm; tài sản đảm bảo là toàn bộ sản phẩm của dự án "Nhà máy Sản xuất vật liệu Xây dựng không nung của Công ty CP Cầu Đuống".

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	34.649.950.000	34.649.950.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	34.649.950.000	34.649.950.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Năm 2015 Cổ phiếu	Năm 2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.464.995	3.464.995
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.464.995	3.464.995
- Cổ phiếu phổ thông	3.464.995	3.464.995
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	84	84
- Cổ phiếu phổ thông	84	84
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.464.911	3.464.911
- Cổ phiếu phổ thông	3.464.911	3.464.911
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu	-	-

e) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2015	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	10.405.275.197		52.143.669	10.353.131.528
Cộng	10.405.275.197	-	52.143.669	10.353.131.528

** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp*

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phân lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng hoá vật tư	263.911.129	3.486.081.619
Doanh thu bán thành phẩm	42.935.923.271	43.788.002.083
Doanh thu hoạt động cơ khí, xây lắp	5.271.515.233	1.657.694.455
Doanh thu khác (vận chuyển, thuê xưởng, khác)	4.041.075.759	4.857.380.169
Cộng	52.512.425.392	53.789.158.326

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Giá vốn hàng bán	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, vật tư đã bán	139.218.198	2.768.075.486
Giá vốn của thành phẩm đã bán	35.571.472.695	38.118.860.620
Giá vốn hoạt động vận chuyển, cơ khí, xây lắp	5.166.084.648	1.602.614.607
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	1.191.954.370	3.274.509.650
Cộng	42.068.729.911	45.764.060.363

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.297.371	174.533.804
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.383.502
Cộng	15.297.371	175.917.306

4. Chi phí tài chính	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	724.936.574	2.252.123.956
Lỗ do bán toàn bộ cổ phần tại Công ty CP Cầu Đuống Hưng Yên	-	3.329.610.576
Chi phí tài chính khác	15.000.000	-
Cộng	739.936.574	5.581.734.532

5. Thu nhập khác	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	752.366.721
Thu từ bán phế liệu	59.814.923	22.006.319
Thu từ bồi thường chống sạt lở xí nghiệp Cầu Đuống	-	124.656.174
Thu nhập khác	968.668.473	1.133.315.433
Cộng	1.028.483.396	2.032.344.647

6. Chi phí khác	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chênh lệch thu hồi góp vốn với Bà Huệ mua chung cư	-	525.989.581
Chi phí nhượng bán thanh lý tài sản cố định	-	435.640.398
Chi phí trợ cấp thôi việc làm, giám định sức khỏe cho công nhân	104.079.000	112.419.000
Chi phí khác	48.875.983	154.333.185
Cộng	152.954.983	1.228.382.164

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>a, Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>8.180.729.290</i>	<i>7.270.834.248</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.705.265.265	2.271.751.847
Chi phí vật liệu quản lý	33.322.719	67.662.591
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.955.595	95.501.458

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Chi phí khấu hao TSCĐ	298.598.358	626.800.211
Thuế, phí và lệ phí	4.248.857.072	3.279.444.612
Chi phí dự phòng	73.509.860	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.514.088	193.536.967
Chi phí bằng tiền khác	1.545.706.333	736.136.562
b, Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	1.954.887.705	2.006.372.712
Chi phí nhân viên	5.119.296	723.362.142
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	194.211.976	645.455
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.656.112	3.656.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.250.046	33.049.143
Chi phí bằng tiền khác	1.622.650.275	1.245.659.860
Cộng	10.135.616.995	9.277.206.960

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2015 VND	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.982.140.038	
Chi phí nhân công	12.709.868.028	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.579.754.888	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.297.010.844	
Chi phí bằng tiền khác	5.485.320.034	
Cộng	40.054.093.832	

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	356.896.546	-
Cộng	356.896.546	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	296.876.133	(5.528.480.269)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	296.876.133	(5.528.480.269)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.464.911	3.464.911
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	86	(1.596)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ		
Bù trừ vay và phải thu của ông Tổng Duy Bạ	48.000.000	-
2. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	25.146.640.451	42.076.413.942

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	32.166.145.837	63.954.839.311

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

2.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Ông Nguyễn Hữu Minh
Ông Ngô Thành An

Mối quan hệ với Công ty

Giám đốc xí nghiệp cơ khí
Giám đốc xí nghiệp xây lắp

2.2 Giao dịch với các bên liên quan

Các khoản cho vay

Ông Nguyễn Hữu Minh

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
--	-----------------	-----------------

	100.000.000	390.000.000
--	-------------	-------------

Các khoản trả tiền vay

Ông Nguyễn Hữu Minh

	100.000.000	784.961.900
--	-------------	-------------

Chi tạm ứng

Ông Nguyễn Hữu Minh

	6.775.593.479	1.478.007.000
--	---------------	---------------

Ông Ngô Thành An

	399.429.094	-
--	-------------	---

Thu tạm ứng

Ông Nguyễn Hữu Minh

	1.526.987.900	1.235.673.700
--	---------------	---------------

2.3 Thu nhập ban Tổng giám đốc được hưởng trong năm

Thu nhập Ban Tổng giám đốc

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
--	-----------------	-----------------

	419.791.170	493.252.139
--	-------------	-------------

Cộng

	<u>419.791.170</u>	<u>493.252.139</u>
--	--------------------	--------------------

2.4 Số dư với các bên liên quan

Tạm ứng

Ông Nguyễn Hữu Minh

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
--	-------------------	-------------------

	5.665.605.579	1.284.100.400
--	---------------	---------------

Phải trả khác

Ông Nguyễn Hữu Minh

	9.897.458.483	4.650.202.378
--	---------------	---------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty Cổ phần Cầu Đuông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Và, như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với Thông tư 200 và Thông tư 202. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2014		
	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Đầu tư ngắn hạn khác	62.500.000	(62.500.000)	-
Phải thu về cho vay	-	62.500.000	62.500.000
Các khoản phải thu khác	917.152.509	(917.152.509)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	2.625.957.609	2.625.957.609
Tài sản ngắn hạn khác	1.708.805.100	(1.708.805.100)	-
Vay và nợ ngắn hạn	17.078.978.550	(17.078.978.550)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	17.078.978.550	17.078.978.550
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.720.861.897	(6.720.861.897)	-
Phải trả ngắn hạn khác	-	6.720.861.897	6.720.861.897
Vay và nợ dài hạn	2.090.185.916	(2.090.185.916)	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	2.090.185.916	2.090.185.916
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	34.649.950.000	(34.649.950.000)	-
Vốn góp của chủ sở hữu	-	34.649.950.000	34.649.950.000
Quỹ đầu tư phát triển	7.718.947.265	2.686.327.932	10.405.275.197
Quỹ dự phòng tài chính	2.686.327.932	(2.686.327.932)	-

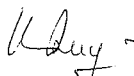
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Người lập



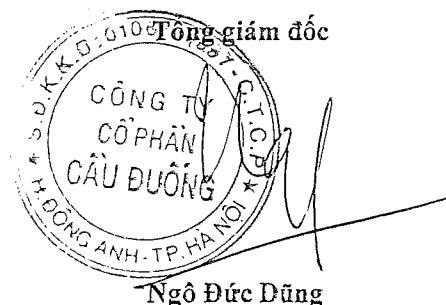
Ngô Thị Tuyền

Kế toán trưởng



Ngô Đức Dũng

Tổng giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẦU ĐUÔNG
H. ĐÔNG ANH, TP. HÀ NỘI



Ngô Đức Dũng